

Số: /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Quyết định: Số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024; số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024; số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024; số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024; số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

CHƯƠNG I**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 42/2024/QĐ-UBND NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

Điều 1. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“3. Diện tích, tỷ lệ quy đổi được xác định trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã và theo từng từng án, không cộng dồn diện tích thu hồi của các dự án khác để tính quy đổi.”

Điều 2. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“Điều 4a: Bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi.

1. Trường hợp trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi không có quỹ đất để bố trí tái định cư thì người có đất thu hồi được bố trí tái định cư ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi. Việc lựa chọn vị trí bố trí tái định cư được thực hiện trên cơ sở đánh giá các điều kiện thực tế và bảo đảm các tiêu chí sau:

a) Có vị trí phù hợp, thuận lợi cho việc ổn định đời sống và sản xuất, ưu tiên khu tái định cư gần nơi có đất thu hồi;

b) Phù hợp với phong tục, tập quán, điều kiện sinh hoạt của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi;

c) Có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bảo đảm điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã lân cận về số lượng, vị trí khu tái định cư; phê duyệt phương án tái định cư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định đối tượng, điều kiện được bố trí tái định cư của từng người sử dụng đất.

Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân cấp xã lân cận (xã có quỹ đất để bố trí tái định cư) căn cứ danh sách đối tượng được bố trí tái định cư chỉ đạo lập thủ tục giao đất tái định cư theo thẩm quyền.”.

Điều 3. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“4. Đối với nghĩa trang liệt sĩ hoặc mồ mả của người nước ngoài thì hồ sơ dự toán gửi tới UBND cấp xã thẩm định trước khi trình phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với và Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thực hiện di chuyển đến nơi quy định.”.

Điều 4. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 của Quy định bàn hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“2. Đối với máy móc, dây chuyền sản xuất mà có thể tháo dỡ và di chuyển được thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ biên bản điều tra hiện trạng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất) để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân, đủ năng lực lập dự toán tháo dỡ di chuyển, lắp đặt lại (bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt), gửi phòng kinh tế hoặc phòng kinh tế hạ tầng và đô thị thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”.

Điều 5. Sửa đổi điểm b khoản 4 của Điều 11 của Quy định bàn hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“b) Số nhân khẩu trong hộ gia đình được hồ là những người có chung quyền sử dụng đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nhân khẩu là thành viên hộ gia đình phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó (nếu có); việc xác định số nhân khẩu có chung quyền sử dụng đất do các thành viên trong hộ gia đình tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.”.

Điều 6. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 14 của Quy định bàn hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“a) Căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi;”.

Điều 7. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 15 của Quy định bàn hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“3. Việc bố trí tạm cư trước khi hoàn thành bố trí tái định cư đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 được thực hiện như sau:

a) Việc bố trí tạm cư được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

- Bố trí vào quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nếu có);
- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và quỹ nhà ở hiện có, quyết định hình thức bố trí tạm cư theo quy định nêu trên; nội dung bố trí tạm cư được tổng hợp trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phê duyệt theo thẩm quyền.

b) Thời gian bố trí tạm cư tính từ thời điểm người có đất bị thu hồi bàn giao đất thu hồi đến khi được nhận bàn giao đất ở, nhà ở tái định cư. Trường hợp người có đất bị thu hồi nhận được thông báo nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư mà không nhận đất ở, nhà ở tái định cư, thì thời gian kéo dài kể từ ngày nhận

được thông báo đến khi nhận đất ở, nhà ở tái định cư không được tính hỗ trợ tiền thuê nhà.

c) Mức hỗ trợ tiền thuê nhà khi bố trí tạm cư thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

d) Kinh phí bố trí tạm cư được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“Điều 17. Hỗ trợ khác (khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai)

1. Hỗ trợ gia đình chính sách

a) Hộ gia đình có người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ (được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ) đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm tối đa không quá 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/hộ;

b) Hộ gia đình có người là thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức từ 21% - 80%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gia đình có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm tối đa không quá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ;

c) Hộ gia đình có người được hưởng trợ cấp xã hội khác của Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm tối đa không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ;

d) Hộ gia đình có nhiều đối tượng hưởng chính sách xã hội theo quy định tại điểm a, b và c khoản này thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Người có đất ở bị thu hồi thì ngoài việc được bồi thường theo quy định, còn được hỗ trợ kinh phí làm thủ tục dời nhà cũ lên nhà mới một lần là tối đa không quá 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ.

3. Thưởng di chuyển đúng tiến độ

a) Người sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất mà bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng tối đa không quá 5.000 (Năm nghìn) đồng/m² đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi;

b) Người có đất, tài sản trên đất bị thu hồi phải phá dỡ, di chuyển toàn bộ nhà ở, công trình mà bàn giao mặt bằng (đất sạch) cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường đúng thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng tối đa không quá 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/hộ;

c) Người sử dụng đất ở phải phá dỡ một phần nhà chính (không phải di chuyển chỗ ở) bàn giao mặt bằng (đất sạch) đúng hoặc trước thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng tối đa không quá 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ;

d) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thời gian, địa điểm chi trả tiền, thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 của Luật Đất đai để lập phương án tiền thưởng di chuyển đúng tiến độ (nếu có) trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ bằng 50% giá đất của loại đất nông nghiệp bị thu hồi.

5. Bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp đặc biệt

Trường hợp diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi và các thửa đất, tài sản trên đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất nhưng bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án thì được bồi thường công cải tạo đất và bằng tối đa không quá 30% giá trị thu hồi của phần diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ. Trường hợp không thể cải tạo để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ mà phải chuyển sang để sử dụng vào mục đích khác (việc chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai) có giá trị thấp hơn thì được hỗ trợ tối đa không quá 50% giá trị bồi thường của diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng theo loại đất trước khi chuyển mục đích. Giá trị thu hồi, bồi thường nêu trên được tính theo diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng nhân với giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

6. Hỗ trợ nhà, công trình không đủ điều kiện bồi thường

a) Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai, nhưng tại thời điểm xây dựng phù hợp quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ tối đa bằng 80% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này;

b) Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày thông báo thu hồi đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã được phê duyệt và cấm mốc

hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì không được bồi thường, không được hỗ trợ;

c) Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện bồi thường về đất và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:

Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ tối đa bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng sau thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng trước thời điểm thông báo thu hồi đất thì được hỗ trợ tối đa bằng 70% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

Trường hợp xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ tối đa bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

Trường hợp xây dựng không đúng mục đích và sau thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không được bồi thường, không được hỗ trợ. Trường hợp là công trình xây dựng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân là đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo theo chuẩn nghèo thì được hỗ trợ tối đa bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

d) Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số có tập quán làm nhà nường (lán nường) xa nơi ở để sử dụng làm nơi sinh hoạt ăn ở trên nường, làm kho chứa sản phẩm, chuồng trại chăn nuôi; được xây dựng từ trước ngày dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không vi phạm quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn đã được công bố, công khai và cấm mốc, hiện đang sử dụng đất ổn định không tranh chấp và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận thì được hỗ trợ bằng 100% về giá trị tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nường (lán nường) được xây dựng từ trước ngày dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng xây dựng vi phạm quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được công bố, công khai và cấm mốc mà những vi phạm đó chưa có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ; mức hỗ trợ tối đa bằng 50% đơn giá bồi thường về tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nường (lán nường) được xây dựng sau ngày thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường, không được hỗ trợ.

7. Trường hợp nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng hợp pháp không bị thu hồi đất hoặc bị thu hồi đất đất nhưng nhà ở, công trình không bị phá dỡ mà vẫn đang sử dụng bình thường nhưng do Nhà nước thực hiện công trình, dự án mà cốt của công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong cao hơn (đối với ta luy âm) hoặc thấp hơn (đối với ta luy dương) so với cốt ban đầu trước khi thực hiện công trình, dự án do Nhà nước đầu tư (theo hướng chính của nhà, công trình) thì được hỗ trợ như sau:

a) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ 0,75 m đến 1,5 m so với cốt ban đầu của công trình, dự án đó thì được hỗ trợ, cụ thể:

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

b) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ trên 1,5 m đến 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình đó thì được hỗ trợ, cụ thể:

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 80% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 60% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

c) Trường hợp cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn trên 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình, dự án đó và cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 m thì được hỗ trợ tối đa bằng 100% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

d) Đối với nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất bị thu hồi có thể tháo dỡ và di chuyển đến chỗ ở mới thì chỉ được hỗ trợ các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và vật liệu bị hao hụt, hư hỏng do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy mô tương đương với công trình cũ thì

hỗ trợ tối đa bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

đ) Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này nếu người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi đất. Trong trường hợp thu hồi đất thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

8. Hỗ trợ làm đường nước tối đa không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ; nơi không có công trình nước tập trung thì hỗ trợ đào giếng tối đa không quá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ; hỗ trợ lắp điện chiếu sáng tối đa không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ.

9. Hộ gia đình bị thu hồi đất có khẩu thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định thì được hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ.

10. Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản tối đa bằng 30% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy định này. Trường hợp hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh và làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, phải di chuyển chỗ ở mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất một lần tối đa bằng 30% một năm thu nhập sau thuế theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan Thuế tại địa phương xác nhận.

11. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở tái định cư để tự xây dựng nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian xây dựng nhà ở nhưng tối đa không quá 05 tháng. Mức hỗ trợ theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Quyết định này.

12. Căn cứ theo quy định tại Điều này Ủy ban nhân dân cấp xã Quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với từng dự án cụ thể.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 của Quy định Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

1. Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn đảm bảo theo quy định này và các quy định của pháp luật. Xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo lập nhà, công trình xây dựng, tình hình vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan (nếu có); xác định tỷ lệ đất nông nghiệp đang

sử dụng bị thu hồi; xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định. Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường để tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.”

2. Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.”.

CHƯƠNG II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 43/2024/QĐ-UBND NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ HẠN MỨC GIAO ĐẤT, NHẬN CHUYỂN QUYỀN, CÔNG NHẬN ĐẤT Ở; TÁCH THỬA, HỢP THỬA ĐẤT; GIAO, CHO THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NẪM XEN KẾT; TÁCH THÀNH DỰ ÁN ĐỘC LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“3. Đối với giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc kết hợp với sử dụng đất thương mại, dịch vụ thì căn cứ theo quỹ đất, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Trường hợp thửa đất đủ điều kiện tách thửa đối với đất ở hoặc đất ở và đất khác, nhưng một hoặc nhiều thửa đất ở hoặc đất ở và đất khác sau khi được tách thửa mà không có lối đi thì người đề nghị tách thửa phải bố trí một phần diện tích đất để làm lối đi vào các thửa đất được tách thửa mà không có lối đi, chiều rộng lối đi phải đảm bảo từ 03 m trở lên và khi thực hiện việc tách thửa đất hoặc hợp thửa đất thì không bắt buộc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất để làm lối đi đó.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả đất ở và đất nông nghiệp thì khi thực hiện tách thửa đất, phần diện tích đất nông nghiệp này được tách cùng với đất ở mà không bị giới hạn về diện tích tối thiểu được tách thửa quy định tại khoản 3 Điều này, diện tích tối thiểu được tách thửa đất ở phải đảm bảo quy định tại điểm a, b khoản này.

Trường hợp tách một phần thửa đất ở và đất nông nghiệp không đủ hạn mức tách thửa theo quy định tại điểm a, b khoản này thì phải thực hiện đồng thời hợp thửa với thửa đất ở hoặc thửa đất ở và đất khác; Việc hợp các thửa đất không bắt buộc cùng mục đích sử dụng đất, cùng hình thức trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cùng thời hạn sử dụng đất.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”.

2. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt, lấy ý kiến người dân về nhu cầu giao đất, thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức công bố, công khai nội dung quy hoạch tại các khu vực có thửa đất nhỏ hẹp, thời hạn công khai 15 ngày.

b) Kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân các xã, phường, gửi văn bản đến các chủ sử dụng đất liên hệ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt. Thời gian lấy ý kiến 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản.

c) Kết thúc thời gian các chủ sử dụng đất liên hệ đăng ký, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp danh sách các trường hợp đăng ký nhu cầu sử dụng đất.”.

3. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Sau khi rà soát, đánh giá, công khai và lấy ý kiến người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liên hệ; trường hợp thửa đất có từ hai người sử dụng đất liên hệ trở lên có nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt thì căn cứ vào quy hoạch, điều kiện thực tế sử dụng đất của người sử dụng đất liên hệ để cơ quan có thẩm quyền về giao đất, cho thuê đất quyết định thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; danh sách nêu rõ các trường hợp đủ điều kiện giao đất, cho thuê đất; công khai danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, thời gian công khai tối thiểu 20 ngày (có biên bản niêm yết và kết thúc công khai).

b) Đối với các thửa đất sử dụng vào mục đích công cộng thì việc công khai và lấy ý kiến theo quy định về lấy ý kiến và công khai quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

c) Kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân các xã, phường, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các ý kiến của người dân nơi có đất, người sử dụng đất liên

kề về các kiến nghị liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất liền kề (nếu có); tổng hợp danh sách trường hợp đủ điều kiện giao đất, cho thuê đất và thực hiện phê duyệt theo quy định”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phù hợp với quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“3. Quy mô, tỷ lệ diện tích đất để tách thành dự án độc lập

a) Nhóm dự án sử dụng đất thương mại, dịch vụ

- Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các phường Đoàn Kết, phường Tân Phong và đất nằm trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính xã tương ứng của chính quyền địa phương ở xã thuộc khu vực thực hiện dự án xây dựng đô thị mới theo quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu từ 500 m² trở lên và chiếm từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.

- Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các xã còn lại thuộc tỉnh (trừ đất thuộc khu vực thực hiện dự án xây dựng đô thị mới theo quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt): Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu từ 1.000 m² trở lên và chiếm từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp khu đất thực hiện dự án đầu tư nếu không đáp ứng các điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này thì cơ quan chủ trì thẩm định dự án, danh mục dự án có sử dụng đất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và phải xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Quy định này tại địa phương.

b) Xác định nguồn gốc đất đai và tình trạng đất đai theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn cấp xã phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý theo Quy định này.

d) Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề phát sinh trong thực hiện Quy định này theo thẩm quyền.”.

CHƯƠNG III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 28/2025/QĐ-UBND NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2025 CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU BAN HÀNH QUY ĐỊNH QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN HỒ SƠ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu khi được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, chuyển hình thức sử dụng, công nhận quyền sử dụng, gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh quy hoạch chi tiết, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (sau đây gọi chung là Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) mà làm thay đổi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Những nội dung không quy định tại văn bản này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc luân chuyển hồ sơ

1. Việc luân chuyển hồ sơ phải đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định; kịp thời, đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong giải quyết các hồ sơ đất đai và xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được pháp luật quy định cho từng cơ quan, đơn vị đảm bảo công việc được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi và chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

2. Khi thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính nếu có vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có văn bản trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc trả lại hồ sơ.

3. Luân chuyển điện tử, sử dụng chữ ký số. Dữ liệu trao đổi thông tin gắn chữ ký số có tính pháp lý tương đương như con dấu và chữ ký của các bên trong quá trình thực hiện. Khi thay đổi chữ ký số, bên thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

“Điều 4. Hình thức luân chuyển hồ sơ”

Việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện bằng hồ sơ điện tử (*hệ thống phần mềm quản lý đất đai ILis*) hoặc hồ sơ giấy (*trong trường hợp hệ thống phần mềm điện tử bị lỗi kết nối liên thông hoặc chưa thể hiện được đầy đủ thông tin địa chính theo quy định*)”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

1. Sửa đổi điểm a Khoản 1 như sau:

“a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và hồ sơ kèm theo cho cơ quan Thuế.”.

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau:

“b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Phiếu chuyển thông tin, Giấy tờ có liên quan phục vụ xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất) do cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai chuyển đến; căn cứ vào bảng giá đất, cơ quan Thuế xác định tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được giảm và gửi cho người sử dụng đất, cơ quan chuyển Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính

- Thông báo về đơn giá thuê đất theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.”.

3. Sửa đổi điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất sau khi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn 01 ngày làm việc cơ quan thu ngân sách nhà nước chuyển thông tin thu nộp ngân sách cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế để cơ quan Thuế chuyển cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai làm căn cứ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất cho người sử dụng đất theo quy định. Việc bàn giao đất chỉ được thực hiện khi người sử dụng đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.

- Sổ giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi thành biểu 03 Phụ lục II theo quy định tại Nghị định 291/2025/NĐ-CP.”.

4. Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giá đất cụ thể và văn bản của cơ quan có chức năng quản lý đất đai xác định thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khoản nộp bổ sung (nếu có), cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và hồ sơ kèm theo cho cơ quan Thuế.”.

5. Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính thửa đất do cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan Thuế xác định tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được giảm và gửi cho người sử dụng đất và cơ quan chuyển Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính:

- Thông báo về đơn giá thuê đất theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 291/2025/NĐ-CP.”.

6. Sửa đổi điểm g khoản 2 như sau:

“g) Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất sau khi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn 01 ngày làm việc cơ quan thu ngân sách nhà nước chuyển thông tin thu nộp ngân sách cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế để cơ quan Thuế chuyển cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai làm căn cứ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất cho người sử dụng đất theo quy định. Việc bàn giao đất chỉ được thực hiện khi người sử dụng đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.

Sổ giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi thành biểu 03 Phụ lục II theo quy định tại Nghị định 291/2025/NĐ-CP.”.

Điều 19. Sửa đổi bổ sung Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

“Điều 8. Trách nhiệm của Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ; tiếp nhận, số hoá, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ luân chuyển xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.”.

Điều 20. Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 4 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

“a) Thuế tỉnh Lai Châu, Thuế cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đối tượng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 123 Luật Đất đai.”.

CHƯƠNG 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Thay thế, bãi bỏ các điểm, khoản, cụm từ tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Thay thế, bãi bỏ các điểm, khoản, cụm từ của Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

a) Thay thế các cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

- Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 1 Điều 10.

- Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 13.

b) Bãi bỏ điều, cụm từ như sau:

- Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” và cụm từ “thị trấn” tại Điều 3 Quyết định.

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

2. Thay thế, bãi bỏ các điểm, khoản, cụm từ của Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:

a) Thay thế các cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

- Cụm từ “quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị” bằng cụm từ “quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn” tại điểm b khoản 2 Điều 4.

- Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 19

- Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm a khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 15, khoản 4 Điều 16.

b) Bãi bỏ điều, cụm từ như sau:

- Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” và cụm từ “thị trấn” tại Điều 3 Quyết định.

- Cụm từ “Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố” tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB;
- Lưu: VT, V, C, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải